

Bản án số: 50/2020/HS-ST
Ngày: 05/05/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Quý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Bích Thủy.

2. Ông Võ Phi Hùng.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Lê Bá Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2020/HSST ngày 28 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HS ngày 24/3/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ, (Tên gọi khác: Phúc, Cu Chó); Sinh ngày 01/9/1990, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: phường Hương Sơ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Họ tên cha: Không rõ, con bà: Huỳnh Thị Đóa, sinh năm: 1968; Vợ: Đặng Thị Phương; Con: Chưa có.

Quá trình nhân thân:

Nhỏ ở với gia đình, đi học đến lớp 02/12 thì nghỉ học.

Ngày 29/01/2002, bị Công an thành phố Huế xử phạt hành chính Cảnh cáo về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

Ngày 22/9/2005, bị UBND thành phố Huế ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng vì nhiều lần chiếm đoạt tài sản;

Ngày 04/12/2010, bị Công an phường Vỹ Dạ, thành phố Huế xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”

Tiền án: Có 02 tiền án:

Ngày 14/12/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế xử phạt 02 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 232/2011/HSST), chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 29/01/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Cưỡng đoạt tài sản” (Bản án số 21/2015/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/3/2016 nhưng mới nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 19/12/2019.

Tạm giam từ ngày 18/12/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Hoàng Ngọc Tuấn A, sinh năm: 1996; địa chỉ: thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Sơn, sinh năm: 1988; địa chỉ: Thôn Xuân Lai, xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Anh Đặng Văn Huỳnh, sinh năm: 1988; địa chỉ: Số 4 ngõ 5 kiệt 4 đường Nguyễn Phúc Lan, phường Kim Long, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. Bà Huỳnh Thị Đóa, sinh năm: 1968; địa chỉ: 80 Đào Duy Từ, phường Phú Bình, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người làm chứng: Chị Hồ Ngọc Phương Minh, sinh năm: 1996; địa chỉ: Số 17/12 Kiệt 104 Kim Long, phường Kim Long, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản cáo trạng số: 53/QĐ-VKS-HS ngày 26/02/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố Nguyễn Văn Đ về hành vi phạm tội:

Ngày 17/12/2019, Nguyễn Văn Đ mượn chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 75E1 -29632 của anh vợ là Đặng Văn Huỳnh để đi lại. Về nhà D tháo biển số xe 75E1 -29632 thay bằng biển số xe 75B1-57359 do D nhặt được trước đó gắn vào với mục đích đi trộm cắp tài sản.

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 17/12/2019, Nguyễn Văn Đ điều khiển xe mô tô trên vào công viên đối diện cây xăng Ngô Đồng ở đường Bùi Thị Xuân, phường Phường Đúc, thành phố Huế mục đích trộm cắp. Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, D phát hiện anh Hoàng Ngọc Tuấn A và chị Hồ Ngọc Phương Minh đang ngồi trên ghế đá nói chuyện, dưới chân ghế đá có để 01 túi xách. D liền lén lút đi bộ đến trộm cắp túi xách. Sau đó D đi một đoạn thì quay người nói: “Có cặp nam nữ hôn nhau” nhằm đánh lạc hướng rồi điều khiển xe mô tô bỏ chạy. Ngay lúc đó anh Tuấn Anh và chị Minh phát hiện mất túi xách liền đọc được biển số xe do D điều khiển nên làm đơn trình báo cơ quan công an.

Trên đường đi, D lục túi xách lấy được 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S và 65.000 đồng, còn túi xách và các giấy tờ bên trong, D vứt bỏ nên không thu giữ được.

** Vật chứng thu giữ gồm:*

- 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu vàng;

- 65.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam;
- 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh gắn biển số 75B1-57359;
- 01 (một) biển số xe 75E1-29632.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/KL – HĐĐG ngày 18/12/2019 của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế kết luận, tại thời điểm bị chiếm đoạt: Một chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu vàng, trị giá 2.500.000 đồng; 01 túi xách đeo cá nhân bằng da màu đen, hiệu JEEP, trị giá 150.000 đồng. Tổng 02 khoản là 2.650.000 đồng (Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã trả lại cho anh Hoàng Ngọc Tuấn A chiếc điện thoại, 65.000 đồng và 150.000 đồng tiền chiếc túi xách bị mất không thu hồi được do gia đình D bồi thường. Anh Tuấn Anh không có yêu cầu gì thêm, đồng thời làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho D.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 75E1-29632 cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Huế đã trả lại cho người đứng tên chủ sở hữu là anh Lê Sơn. Sau đó anh Sơn đã trả xe cho anh Đặng Văn Huỳnh, vì anh Sơn là người đứng tên thay cho anh Huỳnh để mua xe trả góp.

Đối với biển số xe 75B1-57359 tiếp tục thu giữ để phục vụ công tác xét xử và thi hành án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế giữ nguyên quyết định truy tố, áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, h, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; không xem xét về trách nhiệm dân sự; tịch thu tiêu hủy biển số xe 75B1-57359.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo có đủ cơ sở để kết luận: Do cần tiền tiêu xài, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác. Lợi dụng đêm khuya vắng người, sự sơ hở của người khác, vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 17/12/2020, tại Công viên ở đường Bùi Thị Xuân, phường Phường Đúc, thành phố Huế, Nguyễn Văn Đ đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Hoàng Ngọc Tuấn A 01 túi xách, trị giá 150.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S, trị giá 2.500.000 đồng và 65.000 đồng tiền mặt. Tổng giá trị tài sản mà D chiếm đoạt là 2.715.000 đồng (Hai triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng). Hành vi của bị cáo phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo có 02 tiền án. Bản án số 21/2015/HSST, ngày 29/01/2015, Tòa án nhân

dân thành phố Huế xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, đã xác định bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng “tái phạm”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/3/2016 nhưng mới nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 19/12/2019. Lần này bị cáo phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích, do đó phạm vào tình tiết tăng nặng định khung hình phạt là “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn trên là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo,: Hành vi bị cáo gây ra phạm vào khung hình phạt ít nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự an ninh trong xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi phạm tội của mình. Nhiều lần bị pháp luật giáo dục, xử phạt tù, nhưng bị cáo không tu dưỡng, rèn luyện trở thành người tốt, mà vẫn tiếp tục phạm tội. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, để giáo dục, đồng thời răn đe phòng ngừa chung và bảo vệ trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, xét cho bị cáo quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo; tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với biển số xe 75B1-57359 là vật không có giá trị, nên tịch thu và tiêu hủy.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm b, h, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ (Tên gọi khác: Phúc, cu Chó) phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 02 (Hai) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 18/12/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên xử: Tịch thu và tiêu hủy biển số xe 75B1-57359. Hiện vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế, theo

biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/02/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- Sở Tư pháp TT-Huế;
- VKSND tp. Huế;
- Công an tp. Huế
- Bị cáo;
- Bị hại; NCQL&NVLQ;
- Phòng PV 27 Công an Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THA dân sự tp. Huế;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Quý Vân